

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC LỚP MẪU GIÁO 5-6 TUỔI A1

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
1. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			
a. Phát triển vận động			
1	- Trẻ thực hiện đúng thuần thực các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và ruỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. + Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng bụng lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; Nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, một chân về phía sau.	1-> 9
2	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: – Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,3m.	- Đi nối bàn chân tiến, lùi - Đi khụy gối - Đi bằng mép ngoài bàn chân - Đi trên dây (dây đặt trên sàn), - Đi trên ván kê dốc - Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Nhảy lò cò 5 m	1, 2, 3, 4, 5, 7

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	– Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. – Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây.		
3	- Trẻ biết kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	- Chạy thay đổi tốc độ theo hướng đích dắc theo hiệu lệnh - Đi thay đổi tốc độ theo hướng đích dắc theo hiệu lệnh - Chạy chậm khoảng 100-120m.	6, 7, 9
4	- Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). – Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	- Ném xa bằng 1 tay, - Ném xa bằng hai tay - Bắt và ném bóng với người đối diện khoảng cách xa 4 m - Ném trúng đích đứng cao 1,5m x xa 2m bằng 1 tay - Ném trúng đích đứng xa 2m x cao 1,5m bằng 2 tay - Ném trúng đích nằm ngang bằng hai tay - Đi, đập và bắt bóng. - Tung bóng lên cao và bắt. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân	1-> 9
5	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: – Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m - 5m - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò chui ống dài 1,5m x 0,6 m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5x30 cm - Bò bằng bàn tay bàn chân chui qua cổng - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây - Trèo lên xuống 7 gióng thang - Bật xa 40- 50cm - Bật liên tục vào vòng - Bật qua vật cản 15- 20 cm - Bật tách, khép chân qua 7 ô.	1, 2, 3, 4, 5, 6, 8,

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		- Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 cm	
6	- Trẻ biết thực hiện được các vận động. + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay . + Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay: - Bẻ, nắm - Lắp ráp	1, 2, 4, 5
7	- Trẻ phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được theo đường viền của hình vẽ + Xếp chồng 12 đến 15 khối theo mẫu + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu + Tự cài, cởi cúc, xây dây giày, cài quai dép, kéo khóa	- Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ các nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Cắt đường vòng cung theo đường viền - Lắp ghép - Ghép hình - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Cài, cởi cúc, kéo khóa áo, ba lô - Khâu luồn dây giày, dây áp, buộc dây. - Cài quai dép	1-> 9
b. Dinh dưỡng và sức khỏe.			
8	- Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên, nhóm. + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả....	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả.... + Thực phẩm giàu chất béo + Thực phẩm giàu chất bột đường	2
9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, cháo...	- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống của địa phương: Cá nướng, rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, cháo.....	2, 4, 6
10	- Trẻ biết ăn nhiều loại	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và	2, 5, 6

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi ích cho sức khỏe.	ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì....)	
11	- Trẻ biết thực hiện một số việc đơn giản: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng + Tự thay quần, áo, khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch	- Tập luyện kỹ năng; Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước - Tự thay quần áo, khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách đi xong dội nước cho sạch	1, 2, 5
12	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.	3.
13	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: – Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. – Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. – Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. – Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	4, 5
14	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Nói với người lớn khi ốm đau, chảy máu, sốt...	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Lợi ích của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. Nguyên nhân và cách phòng tránh. - Lẩy tay che miệng khi hắt hơi, ngáp	2, 4, 7, 8, 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	+ Che miệng khi ho, hắt hơi + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	
15	- Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò, bếp củi, bếp ga...đang đun, phích nước nóng là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: ấm nước điện, bàn là, bếp điện bếp củi, bếp ga, phích nước nóng, dao, kéo...	1, 3
16	- Trẻ biết những nơi như: Hồ ao, nương, sông suối, bể chứa nước, giếng, bụi rậm....là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn: Hồ, ao, nương, sông suối, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...	8
17	- Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... + Biết không tự ý uống thuốc + Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê , hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe .	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc... + Không tự ý uống thuốc + Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê , hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe .	4, 6
18	- Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Trẻ biết gọi lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. + Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... + Tránh một số trường hợp không an	1, 2, 3,

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	xuống nước, ngã chảy máu... - Trẻ biết một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân khi bị lạc, biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	toàn: Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Nói được địa chỉ nơi ở (thôn, xóm, đội), số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ - Trẻ biết về giới tính, phòng tránh xâm hại cơ thể, bảo vệ các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể trẻ.	
19	- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. + Đi bộ trên hè; Đi sang đường phải có người lớn dắt; Đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công tường rào...	- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi ... Không đi theo người lạ rủ, kêu người lớn khi bị ép đi hoặc mách người lớn khi có sự việc đó xảy ra với bạn. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	1, 2, 7
2. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC			
a. Khám phá khoa học			
20	- Trẻ biết tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa...”	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước.	5, 6, 8, 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.	
21	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét: lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, hoa... với môi trường sống	1, 2, 4- >9
22	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây. - Quá trình phát triển con vật; điều kiện sống của một số con vật.	5, 6
23	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận		
24	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu	1, 3, 4, 5, 6, 7

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật - Cách chăm sóc và bảo vệ cây.	
25	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu.	1, 3, 5, 6, 7
26	- Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống.	5, 6, 8
27	- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.		
28	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	2, 4, 5, 8, 9
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
29	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “bao nhiêu?”; “đây là mấy?”...	- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	1, 4, 6, 8, 9
30	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	2, 3, 4, 6, 8, 9
31	- Trẻ biết so sánh số lượng	- So sánh số lượng của 3 nhóm đối	9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	tượng trong phạm vi 10 (VD: Có 10 bông hoa chia ra làm 3 nhóm 2 nhóm bằng nhau, 1 nhóm nhiều(ít) hơn.	
32	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...)	3, 7
33	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm	2, 3, 4, 6, 9
34	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.		
35	- Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	1, 2, 3, 4, 6, 9
36	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan - Chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau	1, 7
37	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Tạo ra quy tắc sắp xếp.	4
38	- Trẻ sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp		
39	- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	5, 8

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo	
40	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.	7
41	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật,(phía trước, phía sau; phía trên, phía dưới; phía phải, phía trái) so với bản thân trẻ, bạn khác, với 1 vật nào đó làm chuẩn.	2
42	- Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần	8
c. Khám phá xã hội			
43	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2, 3
44	- Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ ; sở thích của các thành viên trong gia đình ; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình	3
45	- Trẻ biết nói địa chỉ gia đình, mình (số nhà, đường phố/ thôn xóm đội bản), số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi, trò chuyện.		
46	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non.	1

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
47	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô bác trong trường.	1
48	- Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1
49	- Trẻ biết nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. VD: Nói “nghề nông làm ra lúa gạo, Nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới, nghề thêu là truyền thống của địa phương ...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như nghề thêu khăn piêu của dân tộc thái...	4
50	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “ Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương, quê hương đất nước: tết trung thu, nguyên đán, ngày 20/11, ngày 22/12, ngày 8/3, lễ hội hoa ban...	1, 3, 4, 6, 7, 9
51	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của địa phương, quê hương đất nước.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước nơi trẻ sống	9
3. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ			
52	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, VD: “Các bạn có	- Hiểu và làm theo 2, 3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung truyện kể,	1, 4, 7, 8,

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	tên bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái”	truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi	9
53	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, học tập...)	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	1, 3, 5, 6, 7
54	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	4
55	- Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu và phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Kể lại sự việc theo trình tự.	4
56	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao”; “ Có gì giống nhau?”; “ Có gì khác nhau?”; “ Do đâu mà có” - Đặt các câu hỏi: “ Tại sao?”; “ Như thế nào?”; “ Làm bằng gì?”.	4, 8
57	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	9
58	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	7, 8
59	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
60	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, truyện, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè dân gian của địa phương.	1-> 9
61	- Trẻ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự. - Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.	2, 4-> 6, 8, 9
62	- Trẻ đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch.	5, 6
63	- Trẻ sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “Vâng” ... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.	3
64	- Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau, xem sách về giới tính, xem các loại sách về giao thông, xem sách về quê hương đất nước, bản làng... - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ”	2, 7, 9
65	- Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	8, 9
66	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách	7, 8
67	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông	- Làm quen với một số ký hiệu thông	1, 7

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)	
68	- Trẻ nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái	1-> 9
69	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình	1-> 9
4. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI			
70	- Trẻ nói được họ tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được họ tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại	2, 3
71	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến	2, 8
72	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Đặc điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2
73	- Trẻ biết mình là con/ cháu/anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	1, 3
74	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		
75	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hàng ngày(Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	- Thực hiện công việc được giao(Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)	4

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
76	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	7, 8
77	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2, 5
78	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2, 3, 5, 7
79	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	2, 3, 5, 7
80	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ: Chỗ ở, nơi làm việc... - Kính yêu Bác Hồ.	9
81	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	
82	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương Đất nước.	9
83	- Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình nơi công cộng (Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; Đi bên phải lề đường) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1, 3, 7
84	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	4, 6

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
85	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	7, 8
86	- Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	1, 5
87	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn.	5
88	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng” – “ sai”, “ tốt”-“ xấu”.	7, 9
89	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5, 6
90	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	1, 4
91	- Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	5, 6
92	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước.	8
5. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ			
93	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng.	vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	7, 8
94	- Trẻ thích thú và ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.		
95	- Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau “ Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển” - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	1-> 9
96	- Trẻ hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1-> 9
97	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc phù hợp với địa phương. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1->9
98	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	1, 2, 5, 6
99	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo thành bức	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước,	1-> 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	hình dáng /đường nét, bố cục	
100	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	1, 5, 7, 9
101	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	3, 5
102	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	7, 9
103	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục.	1-> 9
104	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.	8, 9
105	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn).	9
106	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu có sẵn ở địa phương để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	1->9
107	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	8, 9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

S T T	Chủ đề thời gian	Chủ đề nhánh	Thời gian	Điều chỉnh bổ sung
	Từ ngày 3/9/2025 đến ngày 5/9/2025	- Rèn nề nếp	- 1 tuần Từ 1/9 -> 5/9	
1	Trường mầm non – Tết trung thu (4 tuần) Từ ngày 08/09/2025 đến ngày 3/10/2025	- Trường mầm non của bé	- 1 Tuần từ 8/9->12/9	
		- Cô giáo và các bạn	- 1 Tuần từ 15/9->19/9	
		- Đồ dùng đồ chơi của lớp	- 1 Tuần từ 22/9->26/9	
		- Bé vui tết trung thu	- 1 Tuần từ 29/9->3/10	Tết trung thu (phạm vi: toàn trường)
2	Bản thân bé (4 tuần) Từ ngày 6/10/2025 đến ngày 31/10/2025	- Bé là ai	- 1 Tuần từ 6/10->10/10	
		- Cơ thể kỳ diệu của bé	- 1 Tuần từ 13/10->17/10	
		- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	- 1 Tuần từ 20/10->24/10	
		- Bé bảo vệ bản thân	- 1 Tuần từ 27/10->31/10	
3	Gia đình thân yêu - ngày 20/11 (4 tuần) Từ ngày 3/11/2025 đến ngày 28/11/2025)	- Những người thân yêu của bé	- 1 Tuần từ 3/11->7/11	
		- Ngôi nhà của bé	- 1 Tuần từ 10/11->14/11	
		- Ngày hội 20/11	- 1 Tuần từ 17/11->21/11	Ngày nhà giáo VN (Phạm vi: khối, lớp)
		- Đồ dùng trong gia đình	- 1 Tuần từ 24/11->28/11	
4	Những nghề bé thích - Ngày 22/12 (4 tuần) Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 26/12/2025	- Bác nông dân	- 1 Tuần từ 01/12->5/12	
		- Nghề thêu, dệt của dân tộc thái	- 1 Tuần từ 8/12->12/12	
		- Bác công nhân	- 1 Tuần từ 15/12->19/12	
		- Ngày thành lập quân đội nhân dân VN 22/12	- 1 Tuần từ 22/12->26/12	Ngày 22/12 (Phạm vi: khối, lớp)
5	Những con vật bé yêu (4 tuần) Từ ngày	- Con vật nuôi trong gia đình	- 1 Tuần từ 29/12->2/01	
		- Con vật sống dưới	- 1 Tuần	

	29/12/2025 đến ngày 23/1/2026	nước	từ 5/01->9/01	
		- Con vật sống trong rừng	- 1 Tuần từ 12/01->16/01	
		- Một số con côn trùng	- 1 Tuần từ 19/01->23/01	
5	Thế giới thực vật – tết và mùa xuân (4 tuần) Từ ngày 26/1/2026 đến ngày 27/2/2026	- Cây xanh quanh bé	- 1 Tuần từ 26/01->30/01	
		- Hoa, quả bé thích	- 1 Tuần từ 2/2->6/2	
		- Tết và mùa xuân	- 1 Tuần từ 9/2->13/2	Bé vui đón tết (Phạm vi: Toàn trường)
		<i>Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02 đến 20/02/2026</i>		
		Một số loại rau	1 Tuần từ 23/02->27/02	
7	Phương tiện và quy định giao thông – ngày hội 8/3 (4 tuần) Từ ngày 2/3/2026 đến ngày 27/3/2026	- Ngày hội 8/3	1 Tuần từ 2/3>6/3	Ngày 8/3 (Phạm vi: khối, lớp)
		- PTGT đường bộ	- 1 Tuần từ 9/3->13/3	
		- PTGT đường thủy, đường hàng không	- 1 Tuần từ 16/3->20/3	
		- Bé đi đường an toàn	- 1 Tuần từ 23/3->27/3	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần) Từ ngày 30/3/2026 đến ngày 17/4/2026	- Một số nguồn nước	- 1 Tuần từ 30/3->3/4	
		- Một số hiện tượng tự nhiên	- 1 Tuần từ 6/4->10/4	
		- Các mùa trong năm	- 1 Tuần từ 13/4->17/4	
9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Trường tiểu học - tết thiếu nhi (4 tuần) Từ ngày 20/04/2026 đến ngày 22/05/2026	- Bản làng quê em	- 1 Tuần từ 20/4->24/4	
		Tuần ôn	từ 27/4->01/5	
		- Bác Hồ kính yêu	- 1 Tuần từ 3/5->8/5	
		- Trường tiểu học	- 1 tuần từ 11/5->15/5	
		- Tết thiếu nhi	- 1 Tuần từ 18/5->22/5	Tết thiếu nhi (Phạm vi: khối, lớp)

BAN GIÁM HIỆU
(Ký duyệt)

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Phạm Thanh Thúy

Nguyễn Ánh Nguyệt

